

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 159/2024/HS-ST

Ngày: 15/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Khả Tú

Bà Võ Thị Thanh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 10 và 15 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Hoàng T – sinh năm 1968 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Thường trú: Ấp A, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Trần Văn R (chết) và bà Huỳnh Thị Q (chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 25/02/1987, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và 12 tháng tù về tội “Không chấp hành quyết định hành chính bắt buộc lao động”, tổng hợp hình phạt là 48 tháng tù; Ngày 24/10/1989, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; Ngày 09/01/1992, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; Ngày 17/9/1993, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”; Ngày 06/11/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” và 01 (một) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, bị cáo kháng cáo, ngày 17/01/1997, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh y án sơ thẩm đối với bị cáo; Ngày 22/11/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 29/3/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 01/9/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 18 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”; Ngày 26/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xử phạt 04

năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 11/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 17/12/2023, bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Ông Phan Ngọc P (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã, huyện C, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 15/12/2023, do có ý định trộm cắp tài sản từ trước nên Trần Hoàng T chuẩn bị một cây kiếm bằng kim loại sắt dài khoảng 20cm cất giấu trong túi quần. T đón xe từ chợ N đến khu vực đường K thuộc xã X, huyện M, T xuống xe đi bộ lòng vòng tìm kiếm nhà sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 16/12/2023, khi đến nhà không số tổ Q, ấp U, xã X, huyện M, Tp.Hồ Chí Minh, T dùng kiếm cắt lưới hàng rào B40 rồi để cây kiếm tại đây, T đi vào trong sân nhà, trèo qua cửa sổ đột nhập vào trong nhà, T thấy anh Phan Ngọc P đang nằm ngủ nên lén lút lấy trộm một điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max màu xanh để trên bàn, 10.000.000đồng để trong túi quần treo gần tủ, T lấy chùm chìa khoá cổng cùng chìa khoá xe máy để trên bàn rồi trèo cửa sổ đi ra ngoài đến bên hông nhà, lấy trộm xe máy hiệu Honda Airblade biển số 59V3-245.00 của anh P, dùng chìa khoá mở cửa cổng chạy thoát.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16/12/2023, T điều khiển xe máy hiệu Honda Airblade biển số 59V3-245.00 một mình đi đến nhà của Ong Xuân T1 tại xã G, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng thì bị Công an xã G kiểm tra, T xuất trình căn cước công dân giả tên Huỳnh Văn Đ số 080066023082 và bị mời về trụ sở làm việc. Tại Công an xã G, T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Công an xã G đã thông báo và bàn giao T cùng tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn xử lý theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 158/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự - UBND huyện Hóc Môn, giá trị của chiếc xe máy hiệu Honda AirBlade màu đỏ bạc đen biển số 59V3-245.00, số khung 632XKZ166592, số máy JF63E2598924 có giá trị 18.000.000đồng và điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max màu xanh 256Gb có giá trị 15.000.000đồng.

Kết luận giám định số 584/KL-KTHS ngày 18/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với 01 (một) căn cước công dân số 080066023082 có họ tên Huỳnh Văn Đ (Sinh ngày: 01/01/1966; Nơi thường trú: Ấp L, xã Đ1, huyện N1, Long An); có chữ ký ghi tên Tô Văn H và hình dấu tròn đỏ ghi ngày 26/08/2021 là giả do bị thay đổi nội dung.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, T khai nhận hành vi phạm tội như trên

Vật chứng thu giữ:

+ Số tiền Việt Nam 7.100.000đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh; 01 (một) xe máy hiệu Honda Airblade biển số 59V3-245.00 (xe máy do ông Võ Quốc T2 đứng tên chủ sở hữu, ông Võ Quốc T2 khai đứng tên đăng ký xe dùm bạn là Phan Ngọc P); 01 (một) chiếc thang bằng gỗ dài khoảng 150 cm. Tất cả các tài sản trên đã trả lại cho ông P là chủ sở hữu;

+ 01 (một) căn cước công dân tên Huỳnh Văn Đ, số 080066023082. Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển giao sang vụ việc khác để xử lý;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia số seri 356897072508806 là tài sản cá nhân của bị cáo;

+ 01 cái kiềm sắt dài khoảng 20cm có cán nhựa màu hồng đen.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản (đồng thời đồng ý cho bị cáo số tiền 2.900.000đồng mà bị cáo đã tiêu xài hết) và không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 156/CT-VKS.HM ngày 13/5/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn để xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi của bị cáo đối với người bị hại và đối với xã hội đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy 01 cái kiềm sắt dài khoảng 20cm có cán nhựa màu hồng đen; Trả cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia số seri 356897072508806.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 16/12/2023, tại nhà không số tổ Q, ấp U, xã X,

huyện M, Tp.Hồ Chí Minh, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Phan Ngọc P gồm: Số tiền 10.000.000đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh trị giá 18.000.000đồng, 01 (một) xe máy hiệu Honda Airblade biển số 59V3-245.00 trị giá 15.000.000đồng. Các tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 43.000.000đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản và thừa nhận chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội nên hành vi của bị cáo "có tính chất chuyên nghiệp". Ngày 11/3/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm), chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội mới là thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[4] Đối với hành vi của Trần Hoàng T sử dụng căn cước công dân giả tên Huỳnh Văn Đ, số 080066023082, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn đã ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, xử lý trong vụ việc khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản (đồng thời đồng ý cho bị cáo số tiền 2.900.000đồng) và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] - Đối với 01 cái kiềm sắt dài khoảng 20cm có cán nhựa màu hồng đen: Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu và tiêu hủy.

[8.2] - Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia số seri 356897072508806: Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định trả cho bị cáo.

[8.3] - Đối với số tiền Việt Nam 7.100.000đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, 01 (một) xe máy hiệu Honda Airblade biển số 59V3-245.00), 01 (một) chiếc thang bằng gỗ dài khoảng 150 cm: Tất cả các tài sản trên đã trả lại cho ông P là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết nữa.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng T 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

2. Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 cái kiềm sắt dài khoảng 20cm có cán nhựa màu hồng đen.

Trả cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Nokia số seri 356897072508806.

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/5/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Công an Tp. HCM;
- VKSND H.HM;
- Công an H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam

